

Số: 1724/UBND - LĐTBXH
V/v báo cáo kết quả công tác phòng,
chống tệ nạn mại dâm; cai nghiện phục
hồi; phòng, chống mua bán người; xây
dựng xã, thị trấn lành mạnh năm 2017.

Hoàng Hóa, ngày 28 tháng 11 năm 2017

Kính gửi:

- Trưởng Công an huyện;
- Giám đốc trung tâm Y tế huyện;
- Thủ trưởng các phòng: Lao động TB&XH, Văn hóa – Thông tin;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện công văn số: 3891/SLĐTBXH - PCTNXH ngày 13/11/2017 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc báo cáo kết quả công tác phòng, chống tệ nạn mại dâm; cai nghiện phục hồi; phòng, chống mua bán người; xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm năm 2017. UBND huyện đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, UBND các xã, thị trấn thực hiện các nội dung sau:

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống tệ nạn mại dâm; cai nghiện phục hồi; xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy mại dâm (nêu cụ thể các Kế hoạch, Chương trình, Đề án, Công văn chỉ đạo...)

2. Kết quả thực hiện trên các mặt công tác:

- Công tác tuyên truyền phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm (nội dung, hình thức tuyên truyền, số buổi, số người được tuyên truyền.

- Công tác cai nghiện phục hồi: Tổng số người nghiện có hồ sơ quản lý trên địa bàn, số người được cai nghiện trong năm 2017 trong đó số cai tại Trung tâm, tại gia đình và cộng đồng, số người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn, số người được vay vốn theo Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ, số người được học nghề, giới thiệu việc làm, số người được điều trị thay thế các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone (theo phụ lục đính kèm).

- Công tác phòng, chống mại dâm. (số vụ được phát hiện, bắt giữ; số đối tượng “người bán dâm, khách mua dâm, đối tượng môi giới, chủ chứa”, số vụ truy tố

xét xử...); Số liệu người mại dâm có hồ sơ quản lý, số nghi hoạt động mại dâm, số tái hoà nhập cộng đồng; Số cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm trên địa bàn (theo phụ lục đính kèm).

- Công tác tiếp nhận hỗ trợ nạn nhân bị mua bán: số nạn nhân được tiếp nhận, hỗ trợ; số người có dấu hiệu là nạn nhân bị mua bán trở về (theo phụ lục đính kèm).

- Công tác xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma tuý, mại dâm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2008 BLĐTBXH-BCA-BVHTTDL-UBTWMTTQVN ngày 28/8/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Công an; Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đăng ký duy trì xã, phường, thị trấn lành mạnh từ năm 2017 sang năm 2018. Đăng ký xây dựng mới xã, phường, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma tuý, mại dâm năm 2018 với mức đăng ký tối thiểu là 15% tổng số xã, phường, thị trấn trên địa bàn (theo phụ lục đính kèm).

3. Đánh giá những ưu điểm, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

4. Đề xuất, kiến nghị.

UBND huyện yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan chức năng liên quan, UBND các xã, thị trấn quan tâm tổ chức thực hiện và báo cáo về UBND huyện (qua phòng Lao động – TB&XH huyện tổng hợp) trước ngày 24/11/2017; ngoài báo cáo bằng văn bản, đồng thời gửi nội dung vào file điện tử theo địa chỉ E-mail: lethu010180@gmail.com. Để huyện báo cáo Sở Lao động – TBXH tỉnh đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như kg (T/h);
- CT, PCT UBND huyện (B/c);
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đơn vị:

Phụ lục 02

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI NGHIỆN MA TUÝ NĂM 2017

Số TT	Tổng số người nghiện trên địa bàn	Tổng số người được cai nghiện tại cộng đồng	Tổng số người được cai nghiện tại gia đình	Số người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn	Số người được điều trị Methadone	Số được dạy nghề	Số được hỗ trợ tạo việc làm	Số được hỗ trợ vay vốn theo QĐ số 29	Số xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy	Ghi chú

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP NHẬN, HỖ TRỢ NẠN NHÂN BỊ MUA BÁN

S T T	Họ và tên	Đối tượng được tiếp nhận							Chế độ hỗ trợ												
		Năm sinh	Trong đó						Tổng số được hỗ trợ	Trong đó		Nhu cầu thiết yếu	Chi phí đi lại	Học văn hóa	Học nghề	Pháp lý	Trợ cấp khó khăn ban đầu	Tổng số trợ cấp (VNĐ)			
			Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi ở hiện nay	NN bị MB trở về	Nam	Nữ	Ng oại tìn h		Tổng số được tiếp nhận	Hỗ trợ HN CD								Tại CSBT ,CSH T		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

Đơn vị:

Phụ lục 03

KẾT QUẢ

**Xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy, không có tệ nạn mại dâm
và lành mạnh không có cả tệ nạn ma túy, mại dâm năm 2017, đăng ký duy trì và xây dựng mới năm 2018**

TT	Tên xã, phường, TT	Đăng ký năm 2017							Kết quả phân loại tính đến hết ngày 20/11/2017							Đăng ký năm 2018									
		Không có tệ nạn ma túy	Có tệ ma túy	Trọng điểm tệ nạn ma túy	Không có tệ nạn mại dâm	Có tệ nạn mại dâm	Trọng điểm tệ nạn mại dâm	Không có cả tệ nạn ma túy và tệ nạn mại dâm	Không có tệ nạn ma túy	Có tệ ma túy	Trọng điểm tệ nạn ma túy	Không có tệ nạn mại dâm	Có tệ nạn mại dâm	Trọng điểm tệ nạn mại dâm	Không có cả tệ nạn ma túy và tệ nạn mại dâm	Không có tệ nạn ma túy	Có tệ ma túy	Trọng điểm tệ nạn ma túy	Không có tệ nạn mại dâm	Có tệ nạn mại dâm	Trọng điểm tệ nạn mại dâm	Không có cả tệ nạn ma túy và tệ nạn mại dâm			
1	Hoàng Giang																								
2	Hoàng Xuân																								
3	Hoàng Khánh																								
4	Hoàng Phương																								
5	Hoàng Phú																								
6	Hoàng Quý																								
7	Hoàng Kim																								
8	Hoàng Trung																								
9	Hoàng Trinh																								
10	Hoàng Sơn																								
11	Hoàng Lương																								

38	Hoàng Trọng																					
39	Hoàng Ngọc																					
40	Hoàng Đông																					
41	Hoàng Thanh																					
42	Hoàng Phụ																					
43	TT. Bút Sơn																					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN MẠI DÂM NĂM 2017

Nội dung	Đơn vị tính	Số đầu kỳ ¹	Số phát sinh trong kỳ ²
1. THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH			
1.1. Tình hình hoạt động của các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm trên địa bàn			
- Tổng số cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm hiện có trên địa bàn	Cơ sở		
Trong đó:			
+ Cơ sở lưu trú (nhà nghỉ, khách sạn, nhà trọ, nhà cho thuê,...)	Cơ sở		
+ Nhà hàng Karaoke & cơ sở massage	Cơ sở		
+ Vũ trường	Cơ sở		
+ Loại hình khác (quán bia, nhà hàng ăn uống, quán cà phê, cắt tóc gội đầu thư giãn, ...)	Cơ sở		
- Số cơ sở đã ký cam kết không để xảy ra tệ nạn mại dâm tại cơ sở	Cơ sở		
- Số tiếp viên làm việc trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm	Người		
Trong đó:			
+ Số tiếp viên có hợp đồng lao động	Người		
+ Số tiếp viên là nữ giới	Người		
+ Số tiếp viên là người ngoại tỉnh	Người		
+ Số tiếp viên nữ dưới 18 tuổi	Người		
1.2. Tình hình các ổ nhóm, tụ điểm, địa bàn có dấu hiệu hoạt động mại dâm nơi công cộng			
- Số tụ điểm, địa bàn phức tạp về tệ nạn mại dâm	Tụ điểm		
1.3. Số người bán dâm trên địa bàn			
- Số người bán dâm ước tính			
- Số người bán dâm được các cơ quan chức năng thống kê (qua xử phạt hành chính; hỗ trợ xã hội; y tế, phòng, chống HIV/AIDS...)	Người		

¹ Ghi số liệu thống kê đến tháng 12 năm 2016.² Số liệu tổng hợp năm 2017.

Nội dung	Đơn vị tính	Số đầu kỳ ¹	Số phát sinh trong kỳ ²
Trong đó:			
+ Số là người dưới 18 tuổi	Người		
+ Số là người ngoại tỉnh	Người		
2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCMD			
2.1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo, điều hành			
- Số lượng văn bản QPPL ban hành theo thẩm quyền	Văn bản		
- Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về PCMD trong phạm vi quản lý (Công văn chỉ đạo, Chương trình, Kế hoạch....)	Văn bản		
2.1. Công tác truyền thông nâng cao nhận thức về phòng, chống mại dâm			
- Số buổi truyền thông về công tác phòng chống mại dâm tại cơ sở xã, phường, thị trấn	Buổi		
- Số người tham gia các buổi truyền thông về công tác phòng chống mại dâm tại cơ sở xã, phường, thị trấn	Lượt người		
- Số panô, áp phích được thực hiện về công tác phòng chống mại dâm tại cơ sở xã, phường, thị trấn	Panô, áp phích		
2.2. Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật của Đội kiểm tra liên ngành 178/CP			
- Tổng số cơ sở kiểm tra trong kỳ	Lượt cơ sở		
- Số cơ sở vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm	Lượt cơ sở		
Trong đó:			
+ Cơ sở Nhà nước	Lượt cơ sở		
+ Cơ sở ngoài Nhà nước	Lượt cơ sở		
- Số cơ sở chịu các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm	Lượt cơ sở		
Trong đó:			
+ Số cơ sở bị rút giấy phép kinh doanh	Lượt cơ sở		
+ Số cơ sở bị đình chỉ kinh doanh	Lượt cơ sở		
+ Số cơ sở bị cảnh cáo	Lượt cơ sở		
+ Số cơ sở bị phạt tiền	Lượt cơ sở		
* Số tiền phạt	Triệu đồng		
+ Số cơ sở bị áp dụng các hình thức xử lý khác	Lượt cơ sở		

Nội dung	Đơn vị tính	Số đầu kỳ ¹	Số phát sinh trong kỳ ²
2.3. Công tác truy quét, triệt phá ổ nhóm tổ chức hoạt động mại dâm			
- Số cuộc truy quét tại địa điểm công cộng	Cuộc		
- Số cuộc triệt phá tại các cơ sở KDDV	Cuộc		
- Tổng số người vi phạm	Lượt người		
Trong đó:			
+ Số người mua dâm	Lượt người		
+ Số người bán dâm	Lượt người		
+ Số người bán dâm dưới 18 tuổi	Lượt người		
+ Số chủ chứa, môi giới	Lượt người		
- Số người bị xử lý vi phạm hành chính	Lượt người		
Trong đó:			
+ Số người mua dâm	Lượt người		
+ Số người bán dâm	Lượt người		
+ Số người mua bán dâm dưới 18 tuổi	Lượt người		
+ Số chủ chứa, môi giới	Lượt người		
- Số người bị xử lý hình sự	Lượt người		
Trong đó:			
+ Số người mua dâm người chưa thành niên	Lượt người		
+ Số chủ mại dâm	Lượt người		
+ Số môi giới mại dâm	Lượt người		
2.4. Công tác truy tố, xét xử			
- Số vụ việc liên quan đến mại dâm được Viện Kiểm sát nhân dân khởi tố			
+ Số vụ	Vụ		
+ Số bị can	Người		
- Số vụ việc liên quan đến mại dâm được Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử			
+ Số vụ	Vụ		
+ Số bị cáo	Người		
- Số vụ án liên quan đến mại dâm được Tòa án các cấp thụ lý, xét xử			
+ Số vụ	Vụ		
+ Số bị cáo	Người		
2.5. Hỗ trợ giảm hại và hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm			
- Tổng số người bán dâm được hỗ trợ	Lượt người		

Nội dung	Đơn vị tính	Số đầu kỳ ¹	Số phát sinh trong kỳ ²
Trong đó:			
+ Số đối tượng được hỗ trợ về y tế, chăm sóc sức khỏe, cung cấp các dịch vụ về phòng, chống lây nhiễm HIV	Lượt người		
+ Số đối tượng được tư vấn, trợ giúp pháp lý	Lượt người		
+ Số đối tượng được hỗ trợ giáo dục, dạy nghề	Lượt người		
+ Số đối tượng được tạo việc làm, vay vốn sản xuất, kinh doanh	Lượt người		
+ Số tiền mà người bán dâm được vay	triệu đồng		
- Số đối tượng tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ đồng đẳng, các nhóm tự lực, ...	Lượt người		
2.6. Xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh, không có tệ nạn mại dâm			
- Tổng số xã, phường trên địa bàn	Xã, phường, thị trấn		
- Số xã, phường, thị trấn trọng điểm về tệ nạn mại dâm	Xã, phường, thị trấn		
- Số xã, phường, thị trấn không có tệ nạn mại dâm	Xã, phường, thị trấn		
3. NGUỒN LỰC			
3.1. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống mại dâm			
- Tổng số cán bộ làm công tác PCMD tại địa phương (gồm cả cán bộ kiêm nhiệm các cấp)	người		
- Số cán bộ được tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về công tác phòng chống mại dâm	Lượt người		
3.2. Kinh phí cho công tác phòng, chống mại dâm			
- Tổng số kinh phí chi cho công tác PCMD	Triệu đồng		
Trong đó:			
+ Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách TW	Triệu đồng		
+ Kinh phí bố trí từ ngân sách địa phương	Triệu đồng		
+ Từ nguồn khác (tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước)	Triệu đồng		

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ